

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng

Mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Sáu**.

2. Bà **Nguyễn Thùy Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hà Chí Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị **Danh Thị Hồng D**, sinh năm 1988 (có mặt).

1.2. Anh **Tăng Hoài Nh**, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Cả Vĩnh, xã Hưng Hội, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0946.064.474.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Trần N**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

2.2. Chị **Thạch Thị Kim L**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Nước Mặn, xã Hưng Hội, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0943.022.935.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2022 và lời khai tại Tòa án, anh Tăng Hoài Nh và chị Danh Thị Hồng D là đồng nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng tháng 08/2021 âm lịch (vụ hè thu), anh chị có bán lúa cho anh Trần N và chị Thạch Thị Kim L. Trước khi bán, anh chị thỏa thuận bán lúa cho anh N với giá

109.000 đồng/gia (20kg), anh N nói không có tiền Nhều nên đặt cọc cho anh chị số tiền 1.000.000 đồng, việc thỏa thuận này bằng miệng. Khi thu hoạch lúa, anh Trần N là người trực tiếp đứng xem cân lúa, số lúa anh N, chị L mua của vợ chồng anh chị tính ra thành tiền là 39.570.000 đồng. Từ lúc nhận lúa và nợ tiền anh chị đến nay, anh chị có qua nhà anh N, chị L đòi Nhều lần, anh N, chị L có trả cho anh chị tổng cộng 09 lần với số tiền 28.000.000 đồng, quá trình trả tiền anh chị cũng không có làm biên nhận cho anh N, các lần trả tiền này đều do anh N trực tiếp đưa tiền cho anh chị, không có chị L. Hiện tại, anh N, chị L còn nợ vợ chồng chị tiền mua lúa là 11.570.000 đồng. Nay, anh chị đồng ý trừ 1.000.000 đồng tiền cọc anh chị đã nhận vào số tiền mua lúa còn nợ của anh N, anh chị yêu cầu anh N, chị L trả anh chị số tiền 10.570.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nhưng khi Tòa án tuyên buộc anh N, chị L trả số tiền này cho anh chị mà anh N, chị L không trả ngay, thì anh chị yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L. Nhưng anh N, chị L vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ chứng cứ, ý kiến cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng Nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đồng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn đối với đồng bị đơn về yêu cầu trả lại số tiền mua lúa còn thiếu là 10.570.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng Hoài Nh khởi kiện anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L yêu cầu trả số tiền mua lúa còn nợ là tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời điểm khởi kiện, anh N, chị L cư trú tại ấp Nước Mặn, xã Hưng Hội, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời phiên tòa của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng Hoài Nh yêu cầu anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L trả số tiền mua lúa vụ hè thu năm 2021 còn nợ là 10.570.000 đồng. Chị D và anh

Nh trình bày, quá trình mua bán lúa chỉ thỏa thuận bằng miệng trực tiếp với anh N, anh N là người trả tiền cọc, cân lúa (bút lục 24). Mặc dù anh N, chị L không thể hiện ý kiến của anh chị, nhưng căn cứ vào biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 05/01/2022: anh N, chị L thừa nhận có diễn ra việc mua bán lúa và người thỏa thuận trực tiếp là anh Nguyễn Được E với anh Nh, chị D (bút lục 04-06). Như vậy, từ lời trình bày của các đương sự đã chứng minh được có sự tồn tại của hợp đồng mua bán lúa.

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh N, chị L vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến của anh, chị đối với yêu cầu của chị D, anh Nh. Điều này cho thấy anh N, chị L đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của anh, chị, mọi hậu quả pháp lý bất lợi anh, chị phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 05/01/2022, anh Tăng Hoài Nh, Huỳnh V, Thạch Huân Th yêu cầu anh N trả tiền, trong đó anh Nh yêu cầu trả số tiền 11.570.000 đồng. Anh N không phản đối về số tiền các bên đưa ra, anh chỉ cho rằng đây là nợ của anh Nguyễn Được E thiếu. Tuy Nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Nguyễn Được E là người địa phương khác, không quen biết với những người nông dân tại ấp Cả Vĩnh, nếu mua thiếu toàn bộ số tiền mà họ đã vất vả lao động trong khoảng gần 04 tháng (01 vụ mùa) thì chắc rằng họ sẽ không chấp nhận, nếu không có bị đơn Trần N, Thạch Thị Kim L là người quen biết cùng trong địa phương đứng ra đại diện thỏa thuận mua bán.

[3.4] Tại Đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 (bút lục 42) của anh Trần N kiện anh Nguyễn Được E, chị Nguyễn Thị Ngọc G đòi trả số tiền 150.000.000 đồng để anh N trả cho ông Thạch Huân Th, chị Danh Thị Hồng D, Huỳnh V. Tại Đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 của anh Trần N, anh N thừa nhận việc mua lúa của chị D, anh Nh còn nợ lại số tiền 11.570.000 đồng N (bút lục 36). Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/5/2022, anh Nguyễn Được E thừa nhận thông qua anh Trần N để mua lúa của chị D, anh Nh và còn nợ lại số tiền 11.570.000 đồng (bút lục 48).

[3.5] Mặc dù giao dịch mua bán lúa giữa anh N với chị D, anh Nh do anh N trực tiếp thực hiện. Tuy Nhiên, đây là giao dịch nhằm tạo ra thu nhập, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, cho nên anh Nh, chị D yêu cầu anh N và chị L cùng có trách Nhiệm trả nợ là hoàn toàn đúng, theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.6] Từ sự thừa nhận của bị đơn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cho thấy yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng hoài Nh là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ. Anh Nh, chị D đồng ý trừ 1.000.000 đồng nhận tiền cọc trước đó do anh N giao, xét sự tự nguyện này phù hợp pháp luật, nên chấp nhận. Buộc anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L có trách Nhiệm trả cho chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng hoài Nh số tiền 10.570.000 đồng theo quy định Điều 430, Điều 433 và khoản 1, 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Chị D, anh Nh không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chậm trả của anh N, chị L từ ngày nợ đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, nên Hội

đồng xét xử chấp nhận không xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với giao dịch dân sự giữa anh Trần N với anh Nguyễn Được E về việc mua bán lúa để hưởng huê hồng (cò lúa). Anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L có quyền khởi kiện anh Được E trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

[6.1] Do yêu cầu khởi kiện của chị D, anh Nh đối với anh N, chị L được chấp nhận toàn bộ, nên anh N, chị L phải chịu án phí đối với số tiền có trách Nhiệm thanh toán 10.570.000 đồng x 5% = 528.500 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Chị D, anh Nh không phải nộp án phí, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000808 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433 và khoản 1, 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng Hoài Nh đối với anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L.

Buộc anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L có trách Nhiệm thanh toán cho chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng Hoài Nh số tiền 10.570.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng)..

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Trần N, chị Thạch Thị Kim L phải chịu số tiền 528.500 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn năm trăm đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Chị Danh Thị Hồng D, anh Tăng Hoài Nh được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000808 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/6/2022). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí